

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Kiểm

2. Ông: Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Vũ S, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi thường trú: thôn M, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn P, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S1 trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 25 tháng 9 năm 2022, có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 07 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kết hôn đã lâu nhưng không có con, chị H chán nản đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Vợ

chồng đã ly thân từ tháng 7/2024 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến làm việc, không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, không đến tham gia phiên tòa.

Qua xác minh tại địa phương, lời khai của bà Nguyễn Thị H1 là mẹ của chị Nguyễn Thị H cung cấp như sau: chị H và anh S1 kết hôn năm 2022, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V. Sau khi kết hôn, chị H về làm dâu nhà anh S1 ngay, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có con chung, gia đình anh S1 không thông cảm, chị H chán nản bỏ về nhà bà, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hàng ngày chị H đi làm công ty đến tối mới về. Sau khi Tòa án giao các giấy tờ cho chị H, bà đã giao lại cho chị H nhưng chị H bận đi làm nên không đến Tòa làm việc được, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết việc ly hôn giữa anh S1 với chị H.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Vũ S, xử cho anh Nguyễn Vũ S được ly hôn chị Nguyễn Thị H;

Về con chung, tài sản chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

Về tiền án phí: anh Nguyễn Vũ S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Vũ S nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Thị H2, xác định quan hệ tranh chấp "ly hôn". Bị đơn chị Nguyễn Thị H có nơi thường trú tại xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ **khoản 1** Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Vũ S kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 20/09/2022 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung. Nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 07/2024, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh S xin ly hôn, chị H đã được gia đình thông báo nhưng không đến làm việc, không có ý kiến phản đối, cũng không quay lại nhà anh S.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S, chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh S xin ly hôn chị H là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn ly hôn của anh Nguyễn Vũ S. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Vũ S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh S, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tiền án phí: anh Nguyễn Vũ S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Vũ S, xử cho anh Nguyễn Vũ S được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh Nguyễn Vũ S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tiền án phí: anh Nguyễn Vũ S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai số 0007087 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh S đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh